

## THỜ CÚNG LIỆT SĨ Ở VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH NGƯỜI CÓ CÔNG

**Tóm tắt:** Bài viết trình bày về tác động của chính sách người có công - được cụ thể hóa bằng chính sách liệt sĩ và ưu đãi thân nhân liệt sĩ - tới việc thờ cúng liệt sĩ ở Việt Nam đương đại qua cấp độ quốc gia, địa phương và gia đình. Chính sách ở đây được mô tả như những động thái có hệ thống bao gồm cả yếu tố nhà nước lẫn yếu tố xã hội, vừa có nền tảng từ đạo lý dân tộc, vừa mang những yếu tố mới làm thay đổi phần nào các quan niệm đạo đức sẵn có, từ đó tác động đến các thực hành thờ cúng truyền thống theo hướng đổi mới hoặc bổ sung. Bởi sự tương đồng về nền tảng đạo lý, thực hành thờ cúng liệt sĩ đã có sự phát triển mới về hiện tượng, cá biệt hóa về nội dung so với các tập quán thờ cúng người quá cố khác do những tác động của chính sách người có công.

**Từ khóa:** Thờ cúng liệt sĩ; chính sách người có công; đạo lý dân tộc.

### Dẫn nhập

Quan hệ giữa tôn giáo, tín ngưỡng với các hệ thống an sinh xã hội đã được nhận diện từ nhiều trường hợp trong lịch sử. Ở phương Tây, các giáo hội Kitô giáo đã trợ giúp đắc lực cho sự hình thành và phát triển của bệnh viện và trại mồ côi, những thiết chế cung cấp dịch vụ xã hội thiết thực cho người nghèo hay các nhóm yếu thế khác. Ở phương Đông, Phật giáo và Ấn Độ giáo đã tích cực khuyến khích tinh thần thiện nguyện trong xã hội cũng như trong các cơ sở tôn giáo của mình. Ngay cả khi sự suy giảm sức mạnh chính trị của tôn

---

\* Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.  
Ngày nhận bài: 31/8/2020; Ngày biên tập: 15/9/2020; Duyệt đăng: 16/10/2020.

giáo đã được chứng kiến kể từ những cuộc cách mạng lớn thời cận đại, mỗi liên kết này vẫn tiếp tục được duy trì như một minh chứng cho ý nghĩa tích cực của tôn giáo trong quá trình thế tục hóa<sup>1</sup>. Như hầu hết các nghiên cứu so sánh về nhà nước phúc lợi đều thừa nhận, triết lý tôn giáo đã đóng một vai trò quan trọng trong việc xây dựng nên các hệ thống bảo trợ xã hội hiện đại, mặc dù thảo luận về luân lý, đạo đức hay niềm tin tôn giáo vẫn thường bị loại trừ trong các tài liệu mang tính tuyên truyền về chính sách xã hội<sup>2</sup>.

Bài viết này cung cấp một góc nhìn ít được chú ý trong các thảo luận liên quan đến mối quan hệ kể trên, đó là sự vận hành của các hệ thống an sinh xã hội hiện đại có thể tác động trở lại và tác động như thế nào tới niềm tin hoặc thực hành tôn giáo, tín ngưỡng? Rõ ràng là sự tác động này - nếu có - sẽ là rất khác so với tác động của chính sách quản lý văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng cũng như những ảnh hưởng mang tính cấu trúc của thực tiễn kinh tế-xã hội của quốc gia. Trong bối cảnh Việt Nam, nó có thể được phản ánh cụ thể trong mối quan hệ giữa chính sách người có công với thực hành thờ cúng liệt sĩ trong khoảng 70 năm trở lại đây, kể từ khi những thể chế hiện đại liên quan đến vấn đề liệt sĩ bắt đầu được hình thành và phát triển ngay sau sự ra đời của Nhà nước cách mạng. Giải quyết khoảng trống trong góc nhìn và công cụ phân tích là cần thiết cho việc nghiên cứu các chính sách cục bộ có liên quan đến vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng, cũng như tìm hiểu về sự thay đổi của văn hóa truyền thống trong bối cảnh đương đại.

### **1. Thờ cúng liệt sĩ và chính sách người có công ở Việt Nam**

Thờ cúng liệt sĩ là một loại thực hành tín ngưỡng nằm ở khoảng giao thoa của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và tín ngưỡng thờ cúng anh hùng, hoặc nói rộng hơn, các tập quán tôn vinh người có công với cộng đồng, với đất nước ở Việt Nam. Sự phổ biến của thờ cúng liệt sĩ ở nhiều gia đình và cộng đồng bắt nguồn từ thiệt hại về người và vật chất qua các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở thế kỷ 20, với khoảng hơn 1,1 triệu liệt sĩ đến từ gần 70 vạn gia đình<sup>3</sup>, chủ yếu xuất thân từ vùng nông thôn và hy sinh trong kháng chiến chống

Mỹ. Bởi vì liệt sĩ là một khái niệm đã được quy phạm hóa chặt chẽ: “người đã hy sinh vì sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế hoặc vì lợi ích của Nhà nước, của nhân dân được Nhà nước truy tặng Bằng Tổ quốc ghi công”<sup>4</sup>. Con số này không bao gồm số lượng quân nhân tử trận trong các thời đại trước đó hoặc tử trận khi phục vụ cho các tổ chức không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

Được quy định lần đầu trong một sắc lệnh năm 1947<sup>5</sup>, trải qua nhiều lần sửa đổi, bổ sung với hàng trăm văn bản quy phạm pháp luật được ban hành, *chính sách người có công* là tên gọi chung của một tổng thể các chế độ ưu đãi dành cho người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng. Đây là một phần quan trọng của hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam với đặc điểm nổi bật là tính chất xã hội hóa cao độ: “Việc quan tâm chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần người có công với nước và gia đình họ là trách nhiệm của Nhà nước và toàn xã hội”<sup>6</sup>. Nhà nước đảm bảo dành ngân sách hàng năm cho các chế độ ưu đãi, song có sự điều chỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội của đất nước trong từng thời kỳ. Nhà nước cũng huy động và hoan nghênh sự tham gia, ủng hộ của các thành phần xã hội trong quá trình thực thi chính sách.

Chính sách người có công được đề cập trong phạm vi bài viết này chủ yếu là chính sách liệt sĩ và chính sách ưu đãi thân nhân liệt sĩ. Đây là một ví dụ điển hình cho định hướng nhà nước phúc lợi ở Việt Nam, khi mà Đảng, Chính phủ, các cấp chính quyền địa phương nhận thấy có trách nhiệm phải đảm bảo an sinh xã hội tối đa cho gia đình các quân nhân đã hy sinh trong quá trình phục vụ Tổ quốc.

Hệ thống an sinh xã hội dành cho thân nhân hoặc gia đình của quân nhân tử trận không phải chỉ mới xuất hiện trong khoảng một thế kỷ gần đây. Theo sử sách và các sắc phong thần ghi lại, các triều đại phong kiến đã nhiều lần ghi công, phong tặng tước hiệu cho các danh tướng, chỉ huy quân sự, các công thần vì quốc mà vong thân. Tử sĩ hoặc quan lại chết trong tình huống chiến trận

được cấp *mộ phu* (dân phu lo việc tang chế, mồ mã), *tự điền* (ruộng hương hỏa) tùy theo cấp bậc; vợ con thì được cấp tiền một lần, hoặc cấp tiền gạo đủ dùng hàng tháng; con cái được miễn lao dịch, con lớn của những người có cấp bậc cao thì được cho *ám thụ* (trao chức)<sup>7</sup>. Triều đình có khi còn ban thưởng cho những thường dân được gọi đi phu, không may trúng tên bay, đạn lạc mà chết<sup>8</sup>. Những lệ đó được người xưa gọi chung là *ân tuất* hoặc *cấp tuất*.

Điều gì đã khiến cho loại chính sách này có xu hướng liên kết hoặc tác động tới các thực hành tín ngưỡng thuộc tập quán thờ cúng người quá cố? Một trong những nhân tố đáng chú ý nhất chính là *đạo đức* (moral) hoặc *đạo lý* (ethic) - những quy tắc điều chỉnh các mối quan hệ xã hội theo một cách đúng đắn. *Mối quan tâm đến đạo đức con người về cơ bản đã hợp nhất các sáng kiến phúc lợi thế tục và tôn giáo, tín ngưỡng*<sup>9</sup>. Trong trường hợp ở đây, đó là đạo lý về lòng biết ơn (cho một ai hoặc một nhóm nào đó đã từng giúp đỡ ta/chúng ta trong quá khứ), và đồng thời, còn là đạo lý về lòng tương trợ (cho một ai hoặc một nhóm nào đó cần sự giúp đỡ ta/chúng ta trong hiện tại). Các hệ thống an sinh xã hội dành cho người có công và các nhóm yếu thế trong xã hội từ quá khứ đến hiện đại cơ bản là sự thể hiện hay thực tiễn hóa của chúng, trong khi tôn giáo, tín ngưỡng đã luôn luôn khuyến khích, giáo dục con người làm theo chúng.

Đạo lý về lòng biết ơn và tương trợ có lẽ không đơn giản đã được sinh ra hay được định hình bởi mối quan hệ này. Cách hiểu về giá trị đạo đức như một sản phẩm trung gian của quá trình chỉ phản ánh được tác động cục bộ và một chiều của tôn giáo, tín ngưỡng tới việc hình thành các thể chế, hiện tượng xã hội. *Các đạo lý phổ quát và quan trọng phải vừa được thể hiện bên trong, vừa tồn tại bên ngoài mối quan hệ giữa hai phía*. Như phân tích của Richard Titmuss<sup>10</sup>, một số triết lý cốt lõi của nhà nước phúc lợi bắt đầu từ những khái niệm đạo đức bẩm sinh tồn tại song song với các quan hệ ràng buộc trong xã hội tôn giáo truyền thống<sup>11</sup>. Hơn nữa, những đạo lý chung chung xuất hiện trong các bối cảnh mà chúng được

thể hiện có thể khác biệt về cách thức mô tả và giải thích<sup>12</sup>. Như trong bối cảnh Việt Nam, “Uống nước nhớ nguồn” - theo nghĩa rộng là tinh thần nhớ về, trân trọng và tri ân quá khứ - thường được xem là một trụ cột của truyền thống dân tộc hoặc quốc gia, trong khi có thể được giải thích như một nền tảng của chính sách người có công<sup>13</sup>, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trong gia đình<sup>14</sup> và thờ cúng biểu tượng tổ tiên vĩ đại của người Việt Nam<sup>15</sup>.

Những di sản từ lịch sử cho thấy phạm vi ảnh hưởng của chính sách nhà nước liên quan đến liệt sĩ và thân nhân của họ từ lâu đã bao gồm cả cấp độ quốc gia, địa phương và gia đình. Sự liên kết giữa các cấp độ này nên được lưu ý trong phân tích về hiện tượng đương đại. Cấp độ quốc gia là rất quan trọng trong việc định hình thái độ của người dân đối với các chính sách an sinh xã hội. Các quốc gia khác nhau tạo ra niềm tin khác nhau cho người dân về các vấn đề xã hội của quốc gia và về mối quan hệ giữa các cá nhân, nhà nước và các tổ chức khác. Những hiểu biết và niềm tin của người dân cũng ảnh hưởng đến thái độ của họ đối với chính sách an sinh xã hội mà nhà nước giới thiệu<sup>16</sup>. Có nghĩa là, sự khu biệt của văn hóa dân tộc hoặc quốc gia có thể ảnh hưởng đến thái độ chấp nhận của công chúng đối các hình thức thể tục hoặc thoát tục của động thái tôn vinh, tưởng niệm do các thể chế xã hội thực hiện.

## **2. Tác động của chính sách người có công tới thực hành thờ cúng liệt sĩ ở cấp độ quốc gia và địa phương**

### ***2.1. Tác động tới không gian thờ cúng***

Sự góp mặt của chính sách liệt sĩ trong hệ thống chính sách người có công làm cho đối tượng mà hệ thống này hướng tới rộng lớn và phức tạp hơn nội hàm thông thường về đối tượng của an sinh xã hội. Tình trạng này bắt đầu sau ngày thống nhất đất nước năm 1975, khi Nhà nước bắt tay vào việc quy hoạch, xây dựng hàng loạt nghĩa trang, đài kỷ niệm, bia ghi công liệt sĩ để “ghi lại lâu dài công lao to lớn của liệt sĩ, cổ vũ tinh thần yêu nước, phát huy truyền thống đấu tranh kiên cường, dũng cảm, bất khuất của quân và dân ta trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc”<sup>17</sup>.

Một khi thừa nhận - theo một cách hiển nhiên - liệt sĩ là những anh hùng đã hy sinh vì Tổ quốc, người Việt Nam cũng cảm thấy không có gì là vô lý với ý tưởng rằng các chính sách có liên quan sẽ bao gồm việc tri ân cho cả những người đã chết và những người còn sống. Phù hợp với niềm tin của người Á Đông về sự sống động và nhu cầu của linh hồn, việc xây dựng nghĩa trang, đài kỷ niệm, bia ghi công liệt sĩ cùng với việc tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ về quê hương, tổ chức một ngày lễ quốc gia cho liệt sĩ (ngày Thương binh-Liệt sĩ 27/7) là những thực hành xã hội nhằm động viên thân nhân còn sống của liệt sĩ qua sự thỏa mãn nhu cầu về “nghĩa tử nghĩa tận”. Đó là sự mở rộng toàn diện hơn mối quan tâm của Nhà nước và xã hội về công tác ưu đãi thân nhân liệt sĩ, rằng họ không chỉ cần được đáp ứng các nhu cầu về mặt vật chất, mà còn cần được chăm lo cả về đời sống tinh thần.

Nghĩa trang Liệt sĩ Quốc gia A1 (Điện Biên), Nghĩa trang Liệt sĩ Quốc gia Trường Sơn, Nghĩa trang Liệt sĩ Quốc gia Đường 9 (Quảng Trị), Nghĩa trang Liệt sĩ Thành phố Hồ Chí Minh và hơn 3.000 nghĩa trang liệt sĩ cấp tỉnh, huyện, xã được xây dựng trong khoảng 60 năm qua đã cung cấp một không gian công cộng đáng kể cho việc thờ cúng liệt sĩ trên cả nước, và đồng thời, một không gian phát triển cho loại hình *kiến trúc hoành tráng* (monumental architecture) tương đối non trẻ ở Việt Nam. Các nghĩa trang địa phương thường là một phần đặc trưng của cảnh quan hành chính bởi vị trí rất gần với trụ sở Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân, hoặc nhà văn hóa các cấp. Có thể trông thấy ở hầu khắp các nghĩa trang sự kết hợp chặt chẽ giữa văn hóa tưởng niệm mang tính quốc tế (không gian tưởng niệm chính ngoài trời, khối tượng/tháp lớn vươn cao ở trung tâm, bia ghi tên theo danh sách, vườn hoa cây cảnh kiểu công viên) với văn hóa dân gian Việt Nam (lư hương lớn, đèn thờ, nhà treo chuông, lầu hóa vàng, cổng nghi môn, các hình ngói úp) và một số biểu tượng quốc gia (dòng chữ “Tổ quốc ghi công”, Quốc huy, Quốc kỳ).

Khi thảo luận về bối cảnh hậu chiến ở Việt Nam, Patricia Pelley<sup>18</sup> cho rằng loại hình không gian công cộng này đã chuyển trọng tâm của việc tưởng niệm anh hùng chiến tranh từ các đơn vị xã hội truyền thống như gia đình, làng xã sang nhà nước, với một số yếu tố mới mang tính quốc gia và thời đại<sup>19</sup>. Các mộ hoàn toàn giống nhau về mặt thông số kỹ thuật và vị trí sắp xếp để thực hiện thể ứng xử với người quá cố mang tính quân bình chủ nghĩa, hay cái mà Thomas Laqueur<sup>20</sup> gọi là *nền dân chủ của cái chết* (democracy of death)<sup>21</sup> - nơi không có chỗ cho mọi sự phân biệt đẳng cấp. Khác với thực tiễn dân gian, gia đình liệt sĩ bất kể điều kiện kinh tế hay vị thế xã hội ra sao cũng không có quyền làm thay đổi cấu trúc này. Trường hợp ngoại lệ là các kiến trúc sư và nghệ sĩ, những người được tạo điều kiện thoải mái hơn trong việc thể hiện các ý tưởng của mình ở phần tượng đài, dù là theo trường phái cổ điển hay cách tân, mô tả hay ẩn dụ, hiện thực hay lý tưởng - một truyền thống sáng tạo bắt đầu từ trường hợp đài tưởng niệm liệt sĩ đầu tiên ở Quảng trường Ba Đình và Nghĩa trang liệt sĩ Mai Dịch (Hà Nội)<sup>22</sup>.

Chính sách pháp lý về nghĩa trang liệt sĩ xác định vai trò thể tục của chúng là quy tập và quản lý hài cốt quân nhân tử trận - một thực hành rất phổ biến ở các quốc gia hậu chiến thời hiện đại, đồng thời, cho phép hai quá trình đối lập xảy ra: *một mặt*, hài cốt được tìm thấy sẽ không đưa về an táng, truy điệu tại các nghĩa trang dân sự hoặc khu mồ mả rải rác do gia đình tự quản lý, mà sẽ đưa vào nghĩa trang liệt sĩ do nhà nước quản lý như một vinh dự lớn lao mà họ có quyền được hưởng; *mặt khác*, hài cốt có thể được di dời từ nghĩa trang lớn sang nghĩa trang nhỏ (tức nghĩa trang liệt sĩ quê nhà thuộc cấp xã/phường/thị trấn) như một cử chỉ nghĩa tình mà Nhà nước dành cho các gia đình có nguyện vọng đưa người thân “trở về” quê hương<sup>23</sup>.

Mặc dù việc quy tập hài cốt và xây dựng nghĩa trang được thừa nhận là một biện pháp tâm lý hiệu quả để xoa dịu nỗi đau chiến tranh, hệ quả của nó là sự thiết lập một tình trạng phức tạp về mặt

địa-tâm linh: mộ phần của những người trong nghĩa trang liệt sĩ trở nên vừa gần gũi, song cũng vừa xa cách với mộ phần người thân của họ trong nghĩa trang dân sự địa phương hoặc các khu mồ mả rải rác của từng gia đình. Vị trí và hướng đặt mộ theo phong thủy cũng không còn quan trọng nữa. Các mộ hoặc là dàn thành hàng lối thẳng tắp, hoặc đặt theo trục hướng vào phía tượng đài để biểu thị mối gắn kết của người trong mộ với Tổ quốc. Một sự đảo lộn trật tự khác được Hồ Tài Huệ Tâm chỉ ra: các liệt sĩ bị tách khỏi nguyên tắc chôn cất theo thứ bậc dựa trên trật tự gia phả vốn là đặc trưng của tín ngưỡng thờ cúng, tôn vinh tổ tiên của người Việt Nam<sup>24</sup>.

## **2.2. Tác động tới nghi thức thờ cúng**

Trên thực tế, tình trạng trên lại trở nên hợp lý hóa về mặt đạo đức bởi đã tạo điều kiện cho sự hòa nhập xã hội cả từ “bên trong” lẫn “bên ngoài”. *Thứ nhất*, việc quy tập hài cốt liệt sĩ vào các nghĩa trang chỉ dành cho liệt sĩ được xem là cách giúp linh hồn họ được “tập kết” với đồng đội, để thoát khỏi cảnh cô đơn, lạc lõng giữa một thế giới của tầng tầng, lớp lớp những vong hồn lang thang do những cái “chết xấu” khác nhau. Điều này giải thích tại sao người ta tin rằng càng quy tập được nhiều hài cốt liệt sĩ vào nghĩa trang thì những con người còn sống - đặc biệt là những người trực tiếp làm công tác quy tập - càng tích lũy thêm được nhiều phúc đức.

*Thứ hai*, không gian tưởng niệm tập thể là một nơi lý tưởng để diễn ra những hoạt động xã hội mang tính đền ơn đáp nghĩa và giáo dục. Là một phần quan trọng của hoạt động “Uống nước nhớ nguồn”, việc thăm viếng nghĩa trang của các đoàn thể, tổ chức chính trị-xã hội, đơn vị quân đội, câu lạc bộ, hội, nhóm quân nhân, nhà trường và một số tổ chức thiện nguyện khác thường được gián tiếp diễn giải như một thể hiện cụ thể của chính sách chung<sup>25</sup>. Mặc dù đôi khi bị đánh giá là mang nặng tính hình thức (hay theo cách nói thực dụng hơn, một phương thức xã giao độc đáo giữa các đoàn thể, tổ chức mang yếu tố nhà nước), hoạt động này lại được xã hội thừa nhận rộng rãi bởi ý nghĩa tâm linh sâu sắc với những nghi lễ phản ánh nỗ lực tái định nghĩa các liệt sĩ như những anh hùng

chung của dân tộc, là “cha ông”, “anh em”, “người con” của mọi người Việt Nam yêu nước, thay vì đơn thuần chỉ là thành viên được trân trọng bởi từng gia đình của riêng họ.

Nếu như ở các nghĩa trang dân sự, việc hương khói trên ngôi mộ của người quá cố hầu như chỉ có thân nhân của họ lo liệu, thì ở nghĩa trang liệt sĩ, nó được chia sẻ đều giữa thân nhân người quá cố, người quản trang và các đoàn thể, tổ chức đến thăm viếng. Hành động của nghi thức tập thể tuy rất đơn giản, chỉ là đặt hoa, xếp hàng thấp hương và vái lạy trước lư hương ở đền, đài tưởng niệm và sau đó là trước từng ngôi mộ một cách trật tự dưới sự hướng dẫn của người quản trang, song một khi nhấn mạnh vào sự tham gia của những người xa lạ - những người mà trước đó còn không biết đến danh tính cụ thể của từng liệt sĩ, và sự tham gia của nhiều thành phần lứa tuổi - từ các cựu chiến binh cho đến các cháu học sinh, nó đã hàm nghĩa về xóa bỏ khoảng cách xã hội lẫn khoảng cách thế hệ trong hành động tri ân, không cần phải tuân theo các quy tắc về tôn ti như nghi thức tập thể trong các không gian tâm linh khác. Sự thăng hoa đặc biệt về cảm xúc và thông điệp có thể diễn ra trong các nghi lễ lớn với sự tham gia của các cấp tôn giáo (chủ yếu là Phật giáo), các lãnh đạo Chính phủ và giới truyền thông, điển hình như các đại lễ cầu siêu và đêm thấp nến tri ân liệt sĩ tối 26, 27/7 hàng năm đã phổ biến trên cả nước trong nhiều năm gần đây.

Một ví dụ khác về sự hợp lý hóa các tình huống không bình thường với tập quán chôn cất và thờ cúng, đó là ứng xử với hiện tượng *mộ chờ* và *mộ vô danh*. Mộ chờ phổ biến ở nghĩa trang quê nhà của liệt sĩ chính là *mộ gió* trong cách gọi dân gian, đã xác định danh tính và ngày mất song chưa tìm thấy hài cốt<sup>26</sup>. Với sự cho phép của chính quyền địa phương, gia đình đã làm lễ chiêu hồn nạp táng và lập mộ trước. Ngược lại, mộ vô danh<sup>27</sup> phổ biến ở các nghĩa trang lớn là mộ có hài cốt nhưng chưa xác định được danh tính. Sự tồn tại của hơn 50.000 mộ vô danh trong tổng số 300.000 mộ còn thiếu thông tin, cùng với khoảng 200.000 liệt sĩ chưa tìm được hài

cốt cho đến nay vẫn được xem là nỗi trăn trở lớn của Nhà nước và xã hội kể từ khi chiến tranh kết thúc.

Với người Việt, cảm giác day dứt vì chưa làm tròn “nghĩa tử nghĩa tận” với người đã khuất dẫn đến việc người ta có thể áp dụng cả những kỹ thuật khoa học tiên tiến lẫn những biện pháp tâm linh gây tranh cãi để đưa bằng được hài cốt liệt sĩ về quê hương<sup>28</sup>. Nó không hẳn thể hiện sự nhất quán tuyệt đối giữa tập quán dân gian với chính sách Nhà nước, khi mà một biểu hiện khác của chủ nghĩa quân bình trong không gian tưởng niệm tập thể được diễn ra: nếu như các mộ vô danh tồn tại trong hoặc ngoài nghĩa trang dân sự thường có nguy cơ bị đe dọa bởi cả tự nhiên và con người; thì ở nghĩa trang liệt sĩ, chúng lại được bảo vệ, chăm sóc cẩn thận giống như mộ hữu danh, không cần phụ thuộc vào mối quan tâm cá nhân của gia đình người quá cố. Các liệt sĩ yên nghỉ trong mộ vô danh có thể chưa có tên trên bia tưởng niệm tập thể, song mộ của họ luôn được đối xử ngang bằng với các mộ liệt sĩ khác trong những nghi thức tập thể như đặt hoa, thắp hương, thắp nến, điều cũng diễn ra tương tự với mộ chờ.

Nhìn chung, chính sách người có công được cụ thể hóa qua công tác hậu chiến đã tác động trực tiếp vào các thực hành thờ cúng liệt sĩ ở cấp độ quốc gia và địa phương thông qua mục đích công khai là vinh danh, tưởng niệm những anh hùng đã hy sinh vì Tổ quốc. Như Heonik Kwon<sup>29</sup> chỉ ra, Việt Nam đã vượt xa thành tựu của những quốc gia châu Âu đi trước khi đưa các nghĩa trang và đài tưởng niệm trở thành trung tâm của đời sống nghi lễ quốc gia và cảnh quan đạo đức thời hậu chiến<sup>30</sup>. Thờ cúng liệt sĩ từ một thực hành hầu như chỉ phổ biến trong các gia đình đã được nâng lên những không gian xã hội rộng lớn và thường xuyên hơn, hay nói cách khác, được “xã hội hóa” rộng rãi. Hệ quả thiết thực của nỗ lực này là sự bảo trợ tốt hơn về danh tính, tinh thần và thể xác của mọi liệt sĩ - dù là vô danh hay hữu danh - qua việc thay đổi một số quan niệm dân gian về cái chết và tập quán chôn cất người chết.

### **3. Các thực hành thờ cúng liệt sĩ ở cấp độ gia đình dưới tác động của chính sách ưu đãi thân nhân liệt sĩ**

#### **3.1. Tác động tới không gian thờ cúng**

Chính sách ưu đãi thân nhân liệt sĩ là tổng hợp các trợ cấp và ưu đãi xã hội chủ yếu dành cho những người có quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng với liệt sĩ trong phạm vi một thế hệ. Là một sản phẩm trung gian của hệ thống này, bằng “Tổ quốc ghi công” với biểu tượng Quốc huy và chữ ký của Thủ tướng Chính phủ được giao cho thân nhân hợp pháp của liệt sĩ là chứng nhận quan trọng nhất của Nhà nước về danh dự của liệt sĩ, thứ vừa có ý nghĩa tôn vinh, vừa là cơ sở pháp lý đầu tiên để xác định quyền được hưởng các ưu đãi của thân nhân. Chỉ có một tấm bằng duy nhất cho mỗi trường hợp liệt sĩ, tức là chỉ có một gia đình thân nhân được xác nhận là “Gia đình liệt sĩ”. Tấm bằng thường được coi như một di sản thừa kế mà việc sở hữu nó vừa là một vinh dự, cũng là một quyền lợi thiết thân mà từ những vướng mắc của quá trình xét duyệt hết sức khắt khe khiến cho có những gia đình đã phải lao tâm khổ tứ suốt nhiều năm để được cấp lần đầu hoặc được cấp lại. Khác với việc không được hưởng hoặc mất chế độ ưu đãi dù đã sở hữu bằng, tuy rất hãn hữu. Việc bị truất quyền sở hữu bằng là sự tổn thất danh dự khủng khiếp của gia đình và luôn dẫn đến sự phản ứng mạnh mẽ nếu như quyết định thu hồi không đúng nguyên tắc cơ bản của chính sách liệt sĩ<sup>31</sup>.

Sự đặc biệt của bằng “Tổ quốc ghi công” không chỉ nằm ở tầm quan trọng của nó, mà còn nằm ở tính biểu tượng của nó, điều đã dẫn đến sự khác biệt trong không gian thờ cúng của gia đình liệt sĩ so với gia đình bình thường. Sau buổi lễ trao bằng, gia đình luôn đặt/treo nó lên bàn thờ, ngay gần di ảnh hoặc bài vị của liệt sĩ. Gia đình có bao nhiêu liệt sĩ thì sẽ có bấy nhiêu tấm bằng xuất hiện ở đó. Nếu không có di ảnh hoặc bài vị, tấm bằng sẽ thay luôn vai trò tâm linh của những đồ vật này<sup>32</sup>. Đây gần như là một mô hình chung làm tăng tính nhận diện và vị thế của gia đình trong các cuộc tiếp xúc xã giao tại nhà, nhất là những ngôi nhà nông thôn nơi

không gian thờ cúng thường nằm ngay gian khách. Càng nhiều bằng “Tổ quốc ghi công”, gia đình càng vẻ vang<sup>33</sup> và càng cần được tôn trọng.

Nguồn gốc của thực hành có lẽ bắt đầu ngay sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, từ thông lệ trung bày trên tủ, tường nhà những tặng thưởng của Đảng và Chính phủ, chân dung Hồ Chí Minh và Quốc kỳ như một cách để thể hiện tinh thần yêu nước hay lòng hâm mộ nhiệt thành của gia đình với lý tưởng cách mạng. Việc dễ dàng chấp nhận sự thâm nhập của biểu tượng quốc gia vào không gian thiêng của gia đình là một điểm đáng lưu ý. Nó cho thấy tác động sâu của chính sách hơn cả quá trình mà Shaun Malarney<sup>34</sup> mô tả về sự thâm nhập tự nhiên của các kỷ vật chiến tranh vào không gian tâm linh của cộng đồng như đình, chùa, miếu - một quá trình đảm bảo sự cảm nhận, trải nghiệm ký ức dân tộc và tình cảm cách mạng chung ngay trong cuộc sống đời thường<sup>35</sup>.

Cũng ở cấp độ gia đình, quan niệm về liệt sĩ như những con người cao quý đã hy sinh vì Tổ quốc còn làm thay đổi phần nào nhận thức vốn có về vị trí của quân nhân tử trận trong thế giới tâm linh. Có một thực tế là không phải việc thờ cúng nào ở gia đình cũng thuận lợi, xuất phát từ tình trạng nhiều người hy sinh khi còn trẻ, chưa có con hoặc chưa lấy vợ/chồng, bố mẹ thì mất sớm hoặc qua đời sau đó. Người chết trẻ - đặc biệt là những người chết đúng vào giờ “linh” - theo quan niệm dân gian là rất thiêng, gọi là *bà cô*, *ông mãnh*. Một số dòng họ có tập quán đưa bà cô, ông mãnh trong họ vào từ đường để tạm thờ, đợi nhập vào hàng tổ tiên của họ để vừa làm an lòng linh hồn người chết, vừa để đem lại may mắn. Nhưng phổ biến hơn cả, bà cô, ông mãnh sinh ra trong gia đình nào thì gia đình ấy lập riêng một bàn thờ nhỏ để thờ, hoặc đặt cùng trên bàn thờ gia tiên nhưng bát nhang thấp hơn bát nhang thờ gia tiên một bậc. Trong tình huống ở đây, bà cô, ông mãnh và liệt sĩ có khi đồng nhất, có khi không đồng nhất với nhau tùy thuộc vào quan điểm của gia chủ:

H: Tại sao nhà bác có hai liệt sĩ mà một người được thờ ở bàn thờ gia tiên, một người lại được thờ riêng ở góc nhà?

TL: Cái này nhiều người cũng thắc mắc, bảo là phải để chú tôi ở cùng chỗ với bố tôi và các cụ. Nhưng tôi nhất quyết không đồng ý. Tôi tham khảo sách, hỏi thầy các nơi nhiều chứ. Chú tôi chưa có gia đình nên phải ở ngoài, không thể ở cùng với gia tiên được.

H: Ai là người khuyên bác phải để chú trên bàn thờ gia tiên?

TL: Các đoàn thể, người ta đến thăm, họ bảo như vậy là chuẩn chung. Tôi có lần cãi lý với một đoàn từ Vĩnh Yên. Họ bảo chú tôi là người hy sinh vì nước, không thể giống kiểu ông mãnh bình thường. Nói thế nghe cũng phải, nhưng gia đình có cái tôn ti của gia đình. Tết nhất, mùng Một, Rằm, 27 tháng 7 rồi đến ngày giỗ, tôi vẫn làm hai lễ đầy đủ chứ có bỏ “ông mãnh” nhà tôi đi đâu. [...] Nhiều lần tôi nhắc thẳng con là sau này tôi chết rồi thì vẫn phải hương khói cho chú chứ không được bỏ. Đây là còn hơn khối nhà khác có “ông mãnh” mà không phải người hy sinh vì nước, bố mẹ mất rồi thì đòi con đòi cháu bỏ luôn<sup>36</sup>.

Mặc dù các niềm tin cụ thể liên quan đến thờ cúng tổ tiên không hoàn toàn được chuẩn hóa, hay nói cách khác, thường được cá nhân hóa ở tầm mức cao<sup>37</sup>, sự lan tỏa của những thực tiễn sắp xếp không gian và biểu tượng thờ cúng liệt sĩ theo “tiêu chuẩn” chung - như cách mà các đoàn thể gợi ý cho chủ gia đình ở trên - không phải lúc nào cũng bị phủ định bởi tư duy cá nhân. Sẽ là một thử thách lớn về trí nhớ cho nhiều người khi hỏi rằng họ đã học cách trưng bày bằng “Tổ quốc ghi công”, huân, huy chương và các kỷ vật của liệt sĩ trong không gian thờ cúng từ ai, từ đâu, và tại sao lại như vậy (!). Kiến thức này hoàn toàn không được hướng dẫn từ kinh sách cổ điển đến hàn lâm bác học như cách mà người ta tìm hiểu, học hỏi về văn hóa thờ cúng thông thường. Nó thường đến từ sự bắt chước vô thức hoặc chủ động từ truyền thống của những gia đình liệt sĩ khác mà họ ấn tượng, hoặc, theo sự góp ý nhiệt tình mà tưởng như “vô duyên” của người ngoài trong các chuyến thăm hỏi. Một số mô

hình chung chung như: huân, huy chương, kỷ vật trong tủ kính; bằng chứng nhận treo bên trên hoặc đặt trên nóc bàn thờ; di ảnh của con phải thấp hơn di ảnh của bố mẹ; bằng chứng nhận của bố mẹ phải cao hơn bằng chứng nhận của con; chân dung Hồ Chí Minh hoặc cờ Tổ quốc ở trên cùng... không đơn giản chỉ là sự sắp xếp theo tư duy cá nhân về tôn ti trong gia đình, mà còn là sự tổ chức mang tính chính trị nghiêm túc trong quan hệ giữa biểu tượng tín ngưỡng gia đình với biểu tượng quốc gia, điều luôn được lưu tâm bởi những người thuộc nhóm xã hội đặc biệt này.

Cùng đóng góp vào sự thay đổi của không gian thờ cúng là chính sách ưu đãi về đất đai, nhà ở cho thân nhân liệt sĩ hoặc “người có công” khác<sup>38</sup>. Khác với quy định về việc giao bằng “Tổ quốc ghi công”, đất sản xuất, đất ở và nhà ở được giao cho gia đình liệt sĩ không phải là nguyên tắc phổ biến bởi sự tùy thuộc của nó vào cách diễn giải chính sách của các cấp địa phương. Trong nhiều trường hợp, sở hữu bằng “Tổ quốc ghi công” chỉ là một yếu tố tăng thêm khi chính quyền cấp xã/phường/thị trấn cân nhắc thứ tự ưu tiên trong danh sách theo dõi hộ nghèo, hộ đặc biệt khó khăn có nhu cầu được cấp đất, nhà ở. Đất được cấp có thể thuộc quỹ đất dự phòng, có thể được kêu gọi ủng hộ từ cá nhân, tổ chức, và gần như chỉ được giao một lần duy nhất cho thân nhân liệt sĩ theo xu hướng hạn chế<sup>39</sup>. Khác với truyền thống của các thời đại trước, đất sản xuất được giao cho gia đình liệt sĩ ngày nay không được Nhà nước ghi nhận là “đất hương hỏa”, mặc dù nhiều người thụ hưởng có xu hướng nghĩ và đối xử với nó như là “đất hương hỏa”. Sự bất nhất về nhận thức đã dẫn đến không ít tranh luận đạo đức liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, thừa kế đất kể từ thời điểm người làm hồ sơ xin giao đất qua đời.

Hỗ trợ nhà ở xã hội, mặt khác, vô hình chung biến Nhà nước trở thành chủ thể bảo trợ cho không gian thờ cúng ở các gia đình, nhất là khi người thờ cúng liệt sĩ nhưng không có quan hệ thân nhân cũng có thể được nhận ưu đãi. Vấn đề mấu chốt là, mặc dù những gia đình này vốn được nhận nhà theo diện hộ nghèo, hộ đặc biệt

khó khăn chưa có nhà ở, nhưng bởi họ được ưu tiên hơn các trường hợp khác bởi việc thờ cúng của họ, ngôi nhà mà họ được bàn giao luôn phải trở thành nơi thờ cúng liệt sĩ (cũng là nơi giữ bằng “Tổ quốc ghi công”) như một cách để họ thể hiện sự chính đáng của việc nhận nhà, đồng thời bày tỏ lòng cảm ơn trước sự giúp đỡ tận tình của Nhà nước và xã hội. Nhà ở xã hội được gọi là “Nhà tình nghĩa”/“Nhà tình thương” có diện tích tối thiểu là 24-30m<sup>2</sup>, tiêu chuẩn nhà cấp 4 giản dị với “3 cứng” (nền cứng, mái cứng, khung-tường cứng). Điều lý thú là nó thường được thừa kế trong phạm vi con cháu ruột của người được tặng nhà ban đầu, trong khi lý do ban đầu mà nó được tặng lại có thể không tính đến trật tự thờ cúng thông thường theo dòng dõi đích tôn của liệt sĩ (người thờ cúng liệt sĩ không nhất thiết phải là con cháu ruột của liệt sĩ).

### **3.2. Tác động tới đối tượng thực hành thờ cúng**

Vấn đề trên phần nào cho thấy việc thờ cúng những liệt sĩ không có người nối dõi đã được gián tiếp khuyến khích bởi Nhà nước thông qua các ưu đãi vật chất cho những người trong mối quan hệ hôn nhân gia đình mở rộng. Nó rất khó để hiểu trên quan điểm thông thường về *đạo hiếu* của nền đạo đức Nho gia về nghĩa vụ của con cái với bố mẹ. Nó chỉ có thể được hiểu trong nội hàm mở rộng của *đạo hiếu* khi kết hợp với sự sùng bái anh hùng “thời đại Hồ Chí Minh”: sự thay phiên nhau của những người còn sống để làm tròn “nghĩa tử nghĩa tận” với người anh hùng có mối quan hệ họ hàng với họ.

Có một loại ưu đãi vật chất phổ biến hơn nhiều so với đất đai, nhà ở, đó là các khoản *tiền tuất* - khoản tiền mà Nhà nước trả cho thân nhân và con chưa đến tuổi thành niên của những người có công, cán bộ, viên chức, lực lượng vũ trang sau khi chết. Theo pháp luật hiện hành thì ngoài khoản *tiền tuất* được trao cho thân nhân liệt sĩ (con cái, vợ/chồng, bố mẹ) một lần hoặc hàng tháng, trong trường hợp không còn thân nhân, một người thờ cúng được gia đình hoặc họ tộc ủy quyền sẽ được hưởng một khoản trợ cấp hàng năm - khi ấy không gọi là *tiền tuất* nữa mà gọi đích danh là *tiền trợ cấp thờ cúng*<sup>40</sup>. Với mức hưởng hiện tại là 500.000 đồng/năm<sup>41</sup>,

khoản tiền này nhiều khi không đủ để gia đình sắm sửa lễ quả cho liệt sĩ trong năm. Nhưng nó được các gia đình đòi hỏi và trân trọng như một biểu trưng về mặt vật chất mối liên hệ giữa người sống và người chết vì đất nước<sup>42</sup>. Người làm hồ sơ để được nhận trợ cấp chủ yếu là anh chị em còn sống của liệt sĩ, tiếp đó sẽ là con cái của họ, và như ví dụ ở trên, trong tương lai có lẽ sẽ được chuyển giao tiếp cho cháu của họ<sup>43</sup>. Trường hợp liệt sĩ đã kết hôn, đã có con song vẫn gặp trục trặc trong vấn đề người nối dõi thì cũng tương tự. Trợ cấp thờ cúng có tác dụng khuyến khích những người con dâu, con rể, cháu ngoại, cháu dâu, cháu rể đứng ra thực hiện bổn phận đạo lý với người đã hy sinh vì Tổ quốc, thay vì chỉ giới hạn trong phạm vi những người thuộc nội tộc của họ.

Quy định về đối tượng và hạn mức chi trả trợ cấp, mặt khác, có xu hướng thúc đẩy hiện tượng phi tập trung hóa việc thờ cúng liệt sĩ không có người nối dõi trong những gia đình có quan hệ gần gũi. Theo thông lệ thì với một nhà có đông liệt sĩ hoặc/và “người có công” khác, nếu bố mẹ liệt sĩ (hoặc người có vợ/chồng và con là liệt sĩ, người có bố/mẹ và vợ/chồng là liệt sĩ) còn sống, họ là người có quyền thờ cúng tất cả và được hưởng hầu hết các chế độ tiền tuất. Chính sách người có công cho phép thân nhân được hưởng tối đa tiền tuất hàng tháng cho 3 trường hợp liệt sĩ hoặc “người có công” khác, tức là nếu có đến 4 người trở lên thì chỉ được nhận như 3 người, không được nhận hơn<sup>44</sup>. Sau khi những người này qua đời, anh chị em còn sống hoặc những người cháu của liệt sĩ đôi khi thỏa thuận với nhau để ngoài trường nam hoặc trường nữ, những người khác có thể được nhận thờ một liệt sĩ nào đó như một cách để chia sẻ bổn phận giữa những người còn sống. Thỏa thuận ủy quyền người thờ cúng mới được thông qua bởi chính quyền địa phương đi cùng với sự phân phối lại quyền hưởng dụng chế độ ưu đãi, điều có thể được giải thích như một biện pháp hiệu quả để gìn giữ hòa khí và danh dự gia đình. Tiêu biểu là hai trường hợp dưới đây.

Ông bà nội của ông Nguyễn Văn H. có 3 con trai thì con trai cả (bác ông H.) vào miền Nam lập nghiệp, con trai thứ (bố ông H.) và

con trai út (chú ông H.) hy sinh trong quá trình tham gia kháng chiến chống Mỹ. Khi còn sống, ông bà nội của ông H. là đối tượng hưởng tiền tuất của hai con trai và mẹ ông H. là đối tượng hưởng tiền tuất của chồng. Sau khi cả ông bà nội và mẹ ông H. qua đời, ông H. là người thờ cúng cả hai liệt sĩ, đồng thời được hưởng tiền tuất của bố và tiền trợ cấp thờ cúng chú ruột. Đến năm 2013, bà nội ông H. được công nhận là “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” vì có hai con là liệt sĩ. Trong buổi chung vui của họ tộc, với tư cách là trưởng chi, con trai của bác ruột ông H. từ miền Nam về đặt vấn đề muốn được nhận thờ chú út, vì một số người trong họ cho rằng việc ông H. không phải là trưởng chi nhưng lại một mình thờ cả ông nội, bà nội (nay là “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”) lẫn hai liệt sĩ là hơi quá sức, và chuyện ông H. được nhận hết tất cả chế độ là không hay cho lắm. Ông H. đồng ý và giao bằng “Tổ quốc ghi công” của chú út cho con trai của người bác, đồng thời giúp người này làm thủ tục chuyển chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ. Bây giờ, ông H. chỉ còn thờ vọng chú út ở nhà, còn con trai của người bác lại quay vào Nam và là người thờ chính chú út<sup>45</sup>.

Ông bà nội của ông Nguyễn Văn Ch. có 2 con trai thì cả hai đều hy sinh khi tham gia kháng chiến chống Mỹ. Bố ông Ch. là con trai đầu của ông bà nội, trước khi hy sinh đã sinh được 2 con trai, 1 con gái, trong đó ông Ch. là con cả. Ba anh em ông Ch. đều đã lập gia đình và ở riêng, nhưng đều chia sẻ việc phụng dưỡng mẹ. Chú ruột ông Ch. chưa có vợ con nên được thờ cùng với bố ông. Đến thời điểm hiện tại, ông bà nội của ông Ch. đã mất, mẹ ông Ch. vẫn còn sống và đang được hưởng chế độ vợ liệt sĩ, còn ông Ch. được họ tộc ủy quyền thờ cúng chú. Đến khi bà nội ông Ch. được nhận danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” vào năm 2013, ba anh em ông đã bàn lại vấn đề việc xử lý các khoản trợ cấp. Sau nhiều tranh cãi thì cuối cùng, để cho công bằng, ông Ch. được giữ 2/3 tiền trợ cấp một lần của “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, nhưng chỉ được dùng tiền này để tôn tạo mộ bà nội, 1/3 phần còn lại chia cho em gái để giải quyết nhu cầu riêng. Em trai ông Ch. không lấy khoản tiền này, nhưng

yêu cầu được giao bằng “Tổ quốc ghi công” của chú và chuyển chế độ người thờ cúng sang mình. Ông Ch. là trưởng nam nên vẫn ở với mẹ, tiếp tục thờ bố và ông bà nội<sup>46</sup>.

Câu hỏi đặt ra ở đây là các khoản trợ cấp ưu đãi một lần với giá trị lớn có ý nghĩa như thế nào tới các quan hệ và thực hành thờ cúng? Thường thì mục đích được khuyến khích của từng chế độ trợ cấp đã được hàm ý trong tên gọi hoặc tiêu chuẩn xác định đối tượng thụ hưởng của chúng, ví dụ: *phụ cấp* để hỗ trợ nhu cầu của người còn sống; *trợ cấp thờ cúng* để hỗ trợ việc hương hỏa; *trợ cấp tiền tuất hàng tháng* vừa để hỗ trợ nhu cầu của người còn sống, vừa hỗ trợ việc hương hỏa; *trợ cấp tiền tuất nuôi dưỡng hàng tháng* để hỗ trợ nuôi dưỡng bố mẹ già hoặc con cái dưới 18 tuổi của liệt sĩ... Tuy nhiên, mục đích khuyến khích của các khoản trợ cấp một lần đôi khi là không rõ ràng. Trong tình huống bình thường, khi gia đình nhận được giấy báo tử của liệt sĩ (hoặc khi “người có công” khác mới qua đời), *trợ cấp mai táng phí* và *trợ cấp tiền tuất một lần khi báo tử* sẽ được thực hiện ngay sau đó, và người ta thường hiểu những khoản đó là để hỗ trợ chi phí mai táng và giải quyết một số vấn đề hậu tang ma. Nhưng, vì sự chậm trễ về thủ tục hoặc về quy định chính sách mà có những liệt sĩ và “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” đã mất từ rất lâu, gia đình đã lo hậu sự đầy đủ, những thân nhân và người thờ cúng lại phải tìm một giải pháp hợp lý để xử lý khoản trợ cấp một lần được cấp phát muộn. Vì giá trị của khoản tiền này là không nhỏ (bằng 20 lần mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hàng tháng), nó thường gây nên tình huống khó xử trong trường hợp họ không thống nhất được với nhau hoặc không tìm được cách giải quyết khéo léo, đặc biệt là với khoản trợ cấp một lần khi truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”:

Tiền trợ cấp một lần là rất thiết thực, nhưng đôi khi cũng rất dở. Ngay trong làng tôi biết có những nhà vì nó mà anh em mất đoàn kết. Thứ nhất là chính quyền chỉ cho phép một người con cháu thờ cụ Mẹ đứng ra nhận, nhưng anh em ai cũng nghĩ đây là tài sản chung. Vì Mẹ là “mẹ chung”, nhà đông con thì liệt sĩ mất lâu rồi

không tính, nhưng tính cả con trai, con gái, con dâu, rồi lại đến con liệt sĩ là cháu đích tôn của cụ Mẹ thì là bao nhiêu người? Ai cũng muốn có một phần nào đấy vì là con cháu của cụ Mẹ, thế là cũng phải bàn bạc xem trách nhiệm thế nào. Người đứng ra nhận tiền mà không xử lý tế nhị là tranh chấp nhau như chơi. Thứ hai là giả dụ đã thống nhất, hoặc một người giữ hết, hoặc chia đều cho tất cả, muốn dùng vào việc gì thì tùy, nhưng bà con trong tộc, hàng xóm láng giềng người ta nghĩ thế nào? Cái khó là nếu anh dùng khoản tiền ấy để chi tiêu, xây nhà hay làm ăn gì đấy thì thật ra chẳng có ai cấm, nhưng có thể có người này người kia lăm điều, vì người ta nghĩ tiền đấy chỉ để hương hỏa các cụ cho phải đạo. Nó có cái ý nghĩa là liệt sĩ người ta hy sinh xương máu cho quê hương đất nước chứ có vì riêng cái lợi của con cháu họ đâu. Mới năm trước có một nhà dùng hết tiền ấy để xây tôn mộ cụ Mẹ thì có đỡ hơn, anh em hết cãi nhau. Nhưng vẫn có người thắc mắc là anh xây mộ nhưng có ai trông thấy rõ bao nhiêu tiền đi vào đâu. Cái đấy chỉ có nhà anh biết, người ngoài sao biết được. Cái gì không trông tận mắt được thì họ vẫn nghi ngờ<sup>47</sup>.

Một thay đổi lớn về chính sách vào năm 2012 dẫn đến việc công nhận hàng loạt “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” trên cả nước có 2 con là liệt sĩ mà không phải con duy nhất<sup>48</sup>. Bởi vì phần lớn các Mẹ khi đó đã qua đời nên người ta phải tổ chức lễ truy tặng danh hiệu cho các Mẹ, đồng thời trao tất cả (hoặc một phần, chia thành vài đợt) trợ cấp một lần cho thân nhân còn sống hoặc người thờ cúng Mẹ ngay trong buổi lễ. Có thể hiểu mục đích nhân văn của khoản trợ cấp được trao trong thời điểm muộn màng này, đó là Nhà nước cho phép thân nhân của Mẹ hoặc người được ủy quyền thờ cúng Mẹ được tùy ý sử dụng khoản tiền đó tùy theo nhu cầu thực tiễn của gia đình: đầu tư làm ăn, xây, sửa nhà, trả nợ, cho con cái ăn học, tôn tạo mộ Mẹ hoặc liệt sĩ... thế nào cũng được. Tuy nhiên, cộng đồng và họ tộc lại hay nghĩ khoản trợ cấp một lần đó là di sản của người quá cố - bao gồm cả Mẹ và liệt sĩ, và do vậy, đã kỳ vọng rằng cá nhân người thụ hưởng sẽ dùng nó cho những mục đích ít mang tính cá nhân hơn. Cuối cùng,

chỉ có quyết định sử dụng cho *mục đích tâm linh* là ít bị phán xét tiêu cực hơn cả. Khoản tiền khi ấy hoặc dùng để tôn tạo mồ mã, hoặc để xây một gia từ, cải biến bàn thờ, hoặc đi vào những buổi cúng giỗ Mẹ và liệt sĩ. Có người chọn giải pháp cổ điển hơn để giải quyết triệt để dư luận nông thôn: tổ chức một lễ khao để thông báo trước mọi người về vị thế mới của gia đình.

So với các nhà khác trong thôn này có Mẹ Việt Nam anh hùng, tôi rất tâm đắc về cách xử lý của mình. Năm 2013, Nhà nước thông qua hồ sơ của cụ Mẹ, ngoài bằng chứng nhận với huy hiệu còn cho tôi tổng cộng 42 triệu, trong đó 30 triệu là chế độ trợ cấp, 12 triệu là tỉnh Vĩnh Phúc tặng thêm. Tôi không dùng cho tôi, cũng không chia cho ai cả. Tôi nhìn những nhà khác, kể cả chia đều hay đem đi tôn lại mộ các cụ thì cũng có điều không hay. Nên 42 triệu đó tôi dùng hết để làm liên hoan, gọi là để thông báo cho họ hàng với bà con trong thôn là mình được nhận bằng với huy hiệu của cụ Mẹ. Anh em, cô chú cũng có người có ý muốn góp, mang phong bì đến mà tôi gạt hết, không nhận một đồng nào. Hôm đấy tôi đứng trước bàn thờ, tuyên bố cho mọi người là tôi sẽ tự bỏ tiền túi ra để tôn lại mộ, còn tiền thưởng thì mọi người coi như thụ lộc hết rồi, không bàn bạc nữa. Bởi thế mà sau người ta mới nê tôi được chứ<sup>49</sup>.

Việc sắp xếp lại đối tượng thực hành thờ cúng và sử dụng trợ cấp, dù thiên về tinh thần tình cảm là chính hay duy lợi là chính, hễ chưa dẫn đến những sự vụ kiện cáo phức tạp thì đều nằm ngoài sự can thiệp của những người thực thi chính sách ở cấp độ địa phương. Chính quyền và các đoàn thể, tổ chức có xu hướng xem xét vấn đề thờ cúng ở các gia đình là chuyện nội bộ của gia đình, dòng họ, và sẽ không có hại gì khi để gia đình, dòng họ tùy ý sắp xếp, dù cho đôi khi chưa phù hợp lắm với lý tưởng phổ quát về đạo đức của người còn sống.

Dân họ nhiều khi thực dụng. Gọi là tranh nhận bằng “Tổ quốc ghi công” để được thờ liệt sĩ cho nó lễ nghĩa, chứ chúng tôi biết nhiều người làm hồ sơ nhân thân cốt để hưởng chế độ là chính. Đây là quyền lợi chính đáng của người ta, chúng tôi chỉ làm trách nhiệm

xác minh thôi chứ không can thiệp. Nếu có can thiệp thì chỉ những lúc nó liên quan chặt đến pháp luật, thí dụ như khai man, thí dụ như có nhiều hơn một người cùng làm một loại hồ sơ. Hoặc riêng trong xã này, anh em cán bộ quán triệt với nhau là kiên quyết không chấp nhận việc dân làm lễ chiêu hồn tìm cốt, vì nó là phạm trù mê tín dị đoan mất rồi<sup>50</sup>.

### **3.3. Tác động tới nghi thức thờ cúng**

Nhìn chung, *các nghi lễ thờ cúng liệt sĩ thực hành ở gia đình* hiện nay vẫn *tương đối giống các nghi lễ thuộc tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên truyền thống* của người Việt Nam. Với đa số các gia đình, liệt sĩ được hương khói vào các dịp lễ Tết, các ngày sóc vọng, ngày giỗ riêng như những người thân đã khuất khác. Lễ có xôi, gà, hoa quả, hương, vàng mã... thay đổi tùy điều kiện của gia chủ, nhưng thường đồ cúng trên bàn thờ riêng sẽ có đôi chút giản dị hơn bàn thờ gia tiên, còn liệt sĩ được thờ cùng gia tiên thì chung lễ với nhau. Có một điểm khác là họ phải nhớ thêm một dịp nữa trong năm để làm lễ, chính là ngày 27 tháng 7 Dương lịch. Hơn nữa, việc Nhà nước quy định đây là ngày lễ quốc gia để tưởng niệm, tri ân thương binh, liệt sĩ đã cung cấp một giải pháp hợp lý cho tình trạng nhiều trường hợp chưa xác định được chính xác ngày hy sinh: các gia đình có thể xem ngày 27 tháng 7 như ngày giỗ của liệt sĩ nhà mình, hòa nhập vào “ngày giỗ” chung trên phạm vi cả nước. Có những gia đình còn đi thăm mộ người thân ở nghĩa trang liệt sĩ địa phương vào ngày này như một thói quen. Văn hóa tưởng niệm, tri ân liệt sĩ góp phần vào sự phổ biến của những bộ quần áo, mũ, giày vàng mã màu xanh lá cây kiểu quân phục bộ đội, điều nhắc nhở rằng việc đối xử với linh hồn liệt sĩ như một thành phần xã hội riêng trong thế giới tâm linh đã trở thành thường thức của người Việt Nam ngày nay.

Qua phong trào “Uống nước nhớ nguồn”, các nghi thức tập thể với sự tham gia của “người ngoài” vào thờ cúng liệt sĩ một lần nữa lặp lại ở cấp độ gia đình. Thường thì ngày 27 tháng 7 nói riêng và cả tháng 7 nói chung là dịp để gia đình liệt sĩ đón tiếp các đoàn thể, tổ chức đến thăm hỏi, động viên và tặng quà tri ân. Nhìn từ góc độ

hình thức, toàn bộ sự kiện diễn ra từ khi những vị khách bước chân vào ngôi nhà của gia đình đã là một nghi thức, vừa mang tính xã giao, vừa mang tính nghi lễ, vì nó hầu như lặp đi lặp lại các bước một cách giống nhau trong một không khí trang trọng tuyệt đối.

Dưới đây là mô tả về trình tự thông thường của một nghi thức thăm hỏi gia đình liệt sĩ mà tác giả bài viết đã nhiều lần trải nghiệm:

1) Đại diện đoàn khách chào hỏi, bắt tay với gia chủ, giới thiệu mục đích của chuyến thăm là bày tỏ sự tri ân với sự hy sinh của liệt sĩ và cảm thông với mất mát của gia đình;

2) Gia chủ dẫn thân nhân gần gũi nhất với liệt sĩ ra phòng khách để tiếp đón;

3) Đại diện đoàn khách hỏi thăm tình hình sức khỏe, chuyện làm ăn, học hành của các thành viên trong gia đình và trao quà tận tay thân nhân liệt sĩ;

4) Gia chủ cảm ơn sự quan tâm của đoàn khách, sau đó là thể hiện sự cảm ơn chân thành với chủ trương, chính sách của Nhà nước;

5) Thân nhân liệt sĩ chậm rãi kể cho các vị khách về cuộc đời của liệt sĩ và bản thân, đôi khi thể hiện sự xúc động mạnh trong quá trình kể chuyện;

6) Đại diện đoàn khách bày tỏ sự cảm thông với thân nhân liệt sĩ bằng lời nói hoặc cử chỉ tình cảm, đồng thời bày tỏ mong muốn được thắp hương trước bàn thờ liệt sĩ;

7) Gia chủ hướng dẫn đoàn khách thực hiện nghi lễ thắp hương;

8) Đại diện đoàn khách xin phép kết thúc chuyến thăm hỏi, bắt tay (hoặc ôm chào) tạm biệt gia chủ và thân nhân liệt sĩ trước khi ra về.

Trình tự như trên nói chung là đơn giản hơn nhiều so với nghi thức tưởng niệm, tri ân liệt sĩ trong các sự kiện lớn ở tầm quốc gia hoặc địa phương. Tương tự như sự thâm nhập của băng “Tổ quốc ghi công” trong không gian thờ cúng, sự tham gia của những vị khách vào việc dâng hương ở từng gia đình là hoàn toàn được chấp nhận và hoan nghênh bởi gia chủ. Nghi thức bán thể tục làm cho

thân nhân liệt sĩ cảm thấy được quan tâm, chia sẻ bởi xã hội, trong khi những vị khách thấy bản thân gần gũi hơn với gia đình như những người anh em, con cháu ruột thịt của họ. Cảm giác này là quan trọng vì nó rất phù hợp với các tuyên bố chính trị về tầm quan trọng của *tính đoàn kết* (solidarity) về hành động và cảm xúc giữa gia đình, nhà nước, xã hội trong các động thái duy trì, củng cố đạo lý dân tộc, mà theo đó, quốc gia dân tộc được hiểu là một đại gia đình nơi kết nối quan hệ họ hàng biểu tượng với quan hệ họ hàng sinh học<sup>51</sup>. Hơn nữa, đảm bảo sự truyền đạt sống động của ký ức đau buồn và cảm xúc của người còn sống còn là một cách để nhắc nhở, giáo dục thế hệ trẻ về quá khứ hào hùng, cũng như nhắc nhở về tình trạng dễ bị tổn thương của gia đình liệt sĩ như một bộ phận quan trọng của đối tượng chính sách xã hội tại Việt Nam.

### **Kết luận**

Thờ cúng liệt sĩ là một bộ phận mở rộng của tập quán thờ cúng tổ tiên, thờ cúng anh hùng, được nâng tầm và cá biệt hóa nhờ các động thái của Nhà nước và xã hội kể từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 nhằm vinh danh, tri ân liệt sĩ và thân nhân của họ, với một phương thức quan trọng là chính sách ưu đãi người có công. Ở cấp độ quốc gia và địa phương, chính sách liệt sĩ đã giúp hình thành hệ thống nghĩa trang đóng vai trò là không gian tâm linh đặc biệt thời hậu chiến, tạo cơ sở để hình thành những thông lệ và nghi thức tập thể, cùng các sự kiện thường niên mang yếu tố tín ngưỡng để thỏa mãn mong muốn tưởng nhớ, tri ân và quy tập hài cốt liệt sĩ. Ở cấp độ gia đình, chính sách ưu đãi thân nhân liệt sĩ đặt tiền đề cho sự xuất hiện của biểu tượng quốc gia trong không gian thờ cúng, khuyến khích việc sắp xếp linh hoạt đối tượng thực hành thờ cúng nhằm duy trì lâu dài việc chăm sóc linh hồn cho người đã khuất, và làm cho không gian tâm linh riêng tư của từng gia đình trở nên “mở” hơn với người ngoài. Ở cả hai cấp độ, sự thay đổi quan niệm về liệt sĩ và vị trí xã hội của họ trong thế giới tâm linh có thể được chứng kiến, điều dẫn đến sự thay đổi một số tập quán dân gian liên quan đến chôn cất và thờ cúng người đã khuất.

Sự định hình và phát triển của thực hành thờ cúng liệt sĩ dưới tác động của chính sách người có công cho thấy vai trò tích cực của cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện, thay vì là cơ chế kiểm soát, ngăn cấm trong các quyết định lập pháp liên quan đến đời sống văn hóa-xã hội. Hành động của gia đình và cá nhân thụ hưởng phản ánh sự nhạy cảm và linh động của họ trong quá trình phân bổ trợ cấp cùng các quyết định chính sách ở phạm vi công cộng. Chính sách người có công ở Việt Nam, do vậy, đã mang lại những kết quả vượt ra khỏi phạm vi thông thường của hệ thống an sinh xã hội, điều đáp ứng được cả những mục tiêu chính trị về văn hóa-xã hội lẫn những mong muốn cá nhân về thỏa mãn các giá trị đạo đức đương đại. /.

---

### CHÚ THÍCH:

- 1 Weber, M. (1958 [1904]), *The Protestant Ethic and the Spirit of Capitalism*, New York: Charles Scribner's Sons (có thể tham khảo bản dịch trong sách *Những vấn đề nhân học tôn giáo*, Tạp chí Xưa & Nay Nxb. Đà Nẵng, 2006, tr. 73-122); Higgins, J. (1981), *States of Welfare: Comparative Analysis in Social Policy*, Basil Blackwell and Martin Robertson, Oxford; Tyndale, W. (2003), "Idealism and Practicality: The Role of Religion in Development", *Development*, Vol. 46 (4): 22-27.
- 2 Kersbergen, K. V. & Manow, P. (eds. - 2009), *Religion, Class Coalitions and Welfare States*, Cambridge: Cambridge University Press; Dean, H. (2006), *Social Policy*, Cambridge: Polity Press; Fitzpatrick, T. (2008), *Applied Ethics and Social Problems: Moral Questions of Birth, Society and Death*, Bristol: The Policy Press.
- 3 Nguyễn Văn Động (2004), *Các quyền hiến định về xã hội của công dân ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội: 168.
- 4 Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1994), *Pháp lệnh không số ban hành ngày 29/8/1994 v/v Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng*, Hà Nội: Điều 7; Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2005), *Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ban hành ngày 29/6/2005 v/v Ưu đãi người có công với cách mạng*, Hà Nội: Điều 11; Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2012), *Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ban hành ngày 16/7/2012 v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng*, Hà Nội: Điều 1.
- 5 Xem Sắc lệnh số 20/SL do Chủ tịch Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký ngày 16/2/1947 v/v "Đặt ra hưu bổng thương tật và tiền tuất cho thân nhân tử sĩ".

- 6 Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1994), *Pháp lệnh không số ban hành ngày 29/8/1994...*, Sđd: Mở đầu.
- 7 Nhiều tác giả (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Tập II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội: 393-394; Nhiều tác giả (2002), *Đại nam thực lục*, Tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội: 689-690.
- 8 Nhiều tác giả (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 10, Nxb. Thuận Hóa, Huế: 216.
- 9 Jawad, R. (2009), *Social Welfare and Religion in the Middle East: A Lebanese Perspective*, Bristol: Policy Press.
- 10 Richard M. Titmuss (1907-1973) là một nhà khoa học xã hội người Anh, người đã đóng một vai trò lớn trong xã hội học về lý thuyết nhà nước phúc lợi và nền hành chính xã hội. Ông là chủ tịch sáng lập ngành học mới tại Trường Kinh tế Luân Đôn (LSE) và khi ông qua đời, trường đã vinh danh ông là Giáo sư về Chính sách Xã hội.  
Theo: <https://www.english-heritage.org.uk/visit/blue-plaques/richard-titmuss/>
- 11 Titmuss, R. (1970), *The Gift Relationship: From Human Blood to Social Policy*, George Allen & Unwin, London.
- 12 Jawad, R. (2009), *Social Welfare and Religion in the Middle East: A Lebanese Perspective*, Sđd.
- 13 Nhiều tác giả (2003), *Uống nước nhớ nguồn: những điều cần biết về chính sách đối với thương binh, liệt sĩ và người có công*, Sđd.
- 14 Hồ Liên (2002), *Đôi điều về cái thiêng và văn hóa*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- 15 Lưu Trần Tiêu (2000), “Giỗ tổ Hùng Vương - biểu hiện cao đẹp của đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của tư tưởng đại đoàn kết và thống nhất dân tộc”, *Văn hóa Nghệ thuật*, số 4: 7-8.
- 16 Blekesaune, M. & Quadagno, J. (2003), “Public attitudes towards welfare state policies: A comparative analysis of 24 nations”, *European Sociological Review*, Vol. 19 (5): 415-427.
- 17 Hội đồng Chính phủ (1976), *Quyết định số 60-CP ban hành ngày 5/4/1976 v/v Bổ sung một số điểm về chính sách đối với liệt sĩ và gia đình liệt sĩ*, Hà Nội: Phần I.
- 18 Patricia M. Pelley (sinh năm 1955) là nhà sử học người Mỹ, Phó Giáo sư khoa Lịch sử Đại học Công nghệ Texas (TTU). Tên tuổi của bà chủ yếu được biết đến qua cuốn sách *Việt Nam hậu thuộc địa: Lịch sử mới của quá khứ dân tộc* (xuất bản năm 2002) - công trình khám phá những cách mà các học giả Việt Nam diễn giải lại lịch sử Việt Nam trong giai đoạn sau năm 1954.  
Theo: [https://www.depts.ttu.edu/history/faculty/profiles/pelley\\_patricia.php](https://www.depts.ttu.edu/history/faculty/profiles/pelley_patricia.php)
- 19 Pelley, P. (2002), *Post-Colonial Vietnam: New Histories of the National Past*, Durham, NC: Duke University Press.

- 20 Thomas W. Laqueur (sinh năm 1945) là nhà sử học, nhà tính dục học người Mỹ gốc Thổ Nhĩ Kỳ, thành viên của Hiệp hội Sử học Mỹ (AHA), Giáo sư Danh dự khoa Lịch sử của Đại học California tại Berkeley (UCB). Theo: <https://history.berkeley.edu/people/faculty/emeritus/thomas-w-laqueur>
- 21 Laqueur, T. W. (1994), “Memory and Naming in the Great War”, Sđd: 151.
- 22 Ngô Huy Quỳnh (1998), *Lịch sử kiến trúc Việt Nam*, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội: 751-753.
- 23 Chính sách cũng bao gồm sự tài trợ của Nhà nước cho chi trả kinh phí di chuyển hài cốt và việc đi lại của gia đình giữa các tỉnh/thành.
- 24 Hue-Tam H. T. (2001), “Commemoration and Community”, in H. T. Hue-Tam (ed.), *The Country of Memory: Remaking the Past in Late Socialist Vietnam*, Berkeley: University of California Press: 228.
- 25 Nhiều tác giả (2003), *Uống nước nhớ nguồn: những điều cần biết về chính sách đối với thương binh, liệt sĩ và người có công*, Sđd.
- 26 Cần phân biệt với mộ chờ với mộ trống: được xây sẵn nhưng chưa dành cho ai cả.
- 27 Nhiều nghĩa trang hiện nay đã đổi từ “vô danh” trên bia mộ liệt sĩ thành cụm từ “chưa xác định được thông tin” hoặc “chưa biết tên”.
- 28 Mặc dù bị Nhà nước xác định là hoạt động mê tín dị đoan cần phải ngăn chặn triệt để, sự trở dậy của các nghi lễ mang tính Shaman như “áp vong”, “nhập vong”, “dẫn vong” để “chiêu hồn tìm mộ” (cần phân biệt rõ ràng với nghi lễ “chiêu hồn nạp táng” hay “chiêu hồn nhập mộ” trong tập quán tang ma) là một thực tế trong không ít trường hợp tìm kiếm hài cốt liệt sĩ ở Việt Nam thời hậu chiến.
- 29 Heonik Kwon (sinh năm 1962) là nhà nhân học người Hàn Quốc, Giáo sư khoa Nhân học Xã hội tại trường Trinity, Đại học Cambridge. Mặc dù chủ yếu giảng dạy, đào tạo trong lĩnh vực nhân học, công việc của ông có ý nghĩa sâu rộng đối với các ngành như lịch sử, xã hội học và khoa học chính trị. Hoạt động nghiên cứu thực địa của ông diễn ra chủ yếu ở Siberia thuộc Nga, miền trung Việt Nam và bán đảo Triều Tiên.  
Theo: [http://cgisi.ac/bbs/board.php?bo\\_table=eng\\_seminar&wr\\_id=20](http://cgisi.ac/bbs/board.php?bo_table=eng_seminar&wr_id=20)
- 30 Kwon, H. (2015), “North Korea's culture of commemoration”, in Tam T. T. Ngo & Justine B. Quijada (eds.), *Atheist Secularism and its Discontents: A Comparative Study of Religion and Communism in Eurasia*, New York: Palgrave Macmillan: 112.
- 31 Để biết các nguyên tắc sơ khai của việc thu hồi bằng, xin tham khảo Thông tư số 47-TB-LS3 của Bộ Thương binh ban hành ngày 28/5/1956.
- 32 Tương tự, bằng chứng nhận “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” (danh hiệu dành cho những bà mẹ có con, chồng là liệt sĩ) và “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” (danh hiệu dành cho các anh hùng ưu tú) cũng được đối xử như một hiện vật thờ cúng trong trường hợp đương sự đã qua đời.

- 33 Trước đây, Nhà nước có đặt ra danh hiệu “Gia đình vẻ vang” cho những gia đình có nhiều người tham gia kháng chiến.
- 34 Shaun K. Malarney (sinh năm 1965) là nhà nhân học văn hóa người Mỹ, thành viên của Hiệp hội Nhân học Mỹ (AAA), Giáo sư khoa Nghệ thuật và Khoa học, trường Nghệ thuật Khai phóng, Đại học Thiên chúa giáo quốc tế (ICU) - Nhật Bản.  
Theo: <https://researchers.icu.ac.jp/icuhp/KgApp?kyoinId=ymikgeysggy&Language=2>
- 35 Malarney, S. (2002), *Culture, Ritual and Revolution in Vietnam*, New York: Routledge.
- 36 Phòng vấn ông Nguyễn Văn N., sinh năm 1960, thôn Xuân Chiếm, xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, ngày 5/7/2020.
- 37 Reginald, E. (1975), *The Religious Dimension of the Vietnamese Cult of the Ancestors, Missiology: An International Review* 3, No. 2: 156 (có thể tham khảo bản dịch trong Tạp chí *Nghiên cứu tôn giáo*, số 3 (171), 2018, nhan đề “Chiêu kích tôn giáo trong thờ cúng tổ tiên của người Việt Nam”, tr. 20-35).
- 38 Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1994), *Pháp lệnh không số ban hành ngày 29/8/1994...*, Sđd: 5, 9, 11, 17; Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2012a), *Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ban hành ngày 16/7/2012...*, Sđd: Điều 4, 9, 10, 15, 17, 20, 24.
- 39 Liệt sĩ có nhiều thân nhân thì chỉ có một người duy nhất được giao theo diện hộ gia đình riêng. Thân nhân của nhiều liệt sĩ thì chỉ được giao duy nhất một lần như thân nhân của một liệt sĩ.
- 40 Chính phủ (2013), *Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ban hành ngày 9/4/2013 v/v Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng*, Hà Nội: Khoản 4 - Điều 4.
- 41 Trước năm 2013 thì khoản trợ cấp này chỉ được cấp một lần theo Quyết định số 28/LĐTBXH-TT của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành ngày 31/10/1995.
- 42 Schlecker, M. (2013), “Life, Labor, and Merit: War Martyrdom as Support Encounters in Late Socialist Vietnam”, in M. Schlecker & F. Fleicher (eds.), *Ethnographies of Social Support*, New York: Palgrave Macmillan: 161-176.
- 43 Các trường hợp đặc biệt mà tác giả bài viết được biết bao gồm con cái của người nuôi dưỡng liệt sĩ (con riêng của bố mẹ nuôi liệt sĩ), con cái của vợ/chồng liệt sĩ đã tái giá (con riêng của vợ/chồng liệt sĩ) - những người hoàn toàn không có quan hệ máu mủ với người quá cố.
- 44 Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1994), *Pháp lệnh không số ban hành ngày 29/8/1994...*, sđd: 9; Chính phủ (2013), *Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ban hành ngày 9-4-2013...*, Sđd: Điều 20.
- 45 Phòng vấn ông Nguyễn Văn H., sinh năm 1962, thôn Xuân Chiếm, xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, ngày 8/7/2020.

- 46 Phòng vấn ông Nguyễn Văn Ch., sinh năm 1968, thôn Xuân Chiếm, xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, ngày 5/7/2020.
- 47 Phòng vấn ông Nguyễn Văn Th., sinh năm 1959, thôn Xuân Chiếm, xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, ngày 5/7/2020.
- 48 Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2012b), *Pháp lệnh số 05/2012/UBTVQH13 ban hành ngày 20/10/2012 v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”*, Hà Nội: Điều 2.
- 49 Phòng vấn ông Nguyễn Văn H., sinh năm 1962, thôn Xuân Chiếm, xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, ngày 8/7/2020.
- 50 Phòng vấn ông Ngô Văn Ch., sinh năm 1965, Ủy ban nhân dân xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, ngày 4/7/2020.
- 51 Bernal, V. (2014), *Nation as Network: Diaspora, Cyberspace, and Citizenship*, Chicago: University of Chicago Press: 46-47.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anderson, B. (1983), *Imagined Communities: Reflections on the Origin and the Spread of Nationalism*, New York: Verso.
2. Blekesaune, M. & Quadagno, J. (2003), “Public attitudes towards welfare state policies: A comparative analysis of 24 nations”, *European Sociological Review*, vol 19 (5): 415-427.
3. Bernal, V. (2014), *Nation as Network: Diaspora, Cyberspace, and Citizenship*, Chicago: University of Chicago Press.
4. Chính phủ (2013), *Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ban hành ngày 9/4/2013 v/v Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng*, Hà Nội.
5. Dean, H. (2006), *Social Policy*, Cambridge: Polity Press.
6. Nguyễn Văn Động (2004), *Các quyền hiến định về xã hội của công dân ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
7. Fitzpatrick, T. (2008), *Applied Ethics and Social Problems: Moral Questions of Birth, Society and Death*, Bristol: The Policy Press.
8. Gillis, J. R. (1994), “Memory and Identity: The History of a Relationship”, in J. R. Gillis (ed.), *Commemorations: The Politics of National Identity*, Princeton: Princeton University Press: 1-24.
9. Nguyễn Hữu Hiếu (2004), *Tìm hiểu văn hóa tâm linh Nam bộ*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
10. Higgins, J. (1981), *States of Welfare: Comparative Analysis in Social Policy*, Basil Blackwell and Martin Robertson, Oxford.
11. Hội đồng Chính phủ (1976), *Quyết định số 60-CP ban hành ngày 5/4/1976 v/v Bổ sung một số điểm về chính sách đối với liệt sĩ và gia đình liệt sĩ*, Hà Nội.

12. Hue-Tam H. T. (2001), "Commemoration and Community", in H. T. Hue-Tam (ed.), *The Country of Memory: Remaking the Past in Late Socialist Vietnam*, Berkeley: University of California Press: 227-230.
13. Jawad, R. (2009), *Social Welfare and Religion in the Middle East: A Lebanese Perspective*, Bristol: Policy Press.
14. Kersbergen, K. V. & Manow, P. (eds. - 2009), *Religion, Class Coalitions and Welfare States*, Cambridge: Cambridge University Press.
15. Kwon, H. (2015), "North Korea's culture of commemoration", in Tam T. Ngo & Justine B. Quijada (eds.), *Atheist Secularism and its Discontents: A Comparative Study of Religion and Communism in Eurasia*, New York: Palgrave Macmillan: 112-133.
16. Laqueur, T. W. (1994), "Memory and Naming in the Great War", in J. R. Gillis, (ed.), *Commemorations: The Politics of National Identity*, Princeton: Princeton University Press: 150-167.
17. Hồ Liên (2002), *Đôi điều về cái thiêng và văn hóa*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
18. Malarney, S. (2002), *Culture, Ritual and Revolution in Vietnam*, New York: Routledge.
19. Mosse, G. (1990), *Fallen Soldiers: Reshaping the Memory of the World Wars*, Oxford: Oxford University Press.
20. Nhiều tác giả (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 10, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
21. Nhiều tác giả (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Tập II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
22. Nhiều tác giả (2002), *Đại nam thực lục*, Tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
23. Nhiều tác giả (2003), *Uống nước nhớ nguồn: những điều cần biết về chính sách đối với thương binh, liệt sĩ và người có công*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
24. Pelley, P. (2002), *Post-Colonial Vietnam: New Histories of the National Past*, Durham, NC: Duke University Press.
25. Ngô Huy Quỳnh (1998), *Lịch sử kiến trúc Việt Nam*, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội.
26. Reginald, E. (1975), *The Religious Dimension of the Vietnamese Cult of the Ancestors*, *Missiology: An International Review* 3, No. 2: 155-168.
27. Schlecker, M. (2013), "Life, Labor, and Merit: War Martyrdom as Support Encounters in Late Socialist Vietnam", in M. Schlecker & F. Fleicher (eds.), *Ethnographies of Social Support*, New York: Palgrave Macmillan: 161-176.
28. Lư Trần Tiêu (2000), "Giỗ tổ Hùng Vương - biểu hiện cao đẹp của đạo lý "uống nước nhớ nguồn" của tư tưởng đại đoàn kết và thống nhất dân tộc", *Văn hóa Nghệ thuật*, số 4: 7-8.
29. Titmuss, R. (1970), *The Gift Relationship: From Human Blood to Social Policy*, George Allen & Unwin, London.

30. Tyndale, W. (2003), "Idealism and Practicality: The Role of Religion in Development", *Development*, Vol. 46 (4): 22-27.
31. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1994), *Pháp lệnh không số ban hành ngày 29/8/1994 v/v Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng*, Hà Nội.
32. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2005), *Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ban hành ngày 29/6/2005 v/v Ưu đãi người có công với cách mạng*, Hà Nội.
33. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2012), *Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ban hành ngày 16/7/2012 v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng*, Hà Nội.
34. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2012), *Pháp lệnh số 05/2012/UBTVQH13 ban hành ngày 20/10/2012 v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"*, Hà Nội.
35. Weber, M. (1958 [1904]), *The Protestant Ethic and the Spirit of Capitalism*, New York: Charles Scribner's Sons.

### **Abstract**

#### **IMPACTS OF THE POLICY FOR "MERITORIOUS PEOPLE" ON THE WORSHIP OF MARTYRS IN VIETNAM TODAY**

**Nguyen Thanh Tung**

*Institute of Cultural Studies, VASS*

The article presents the impact of the policy of "meritorious people" (the policy of martyrs and preferential treatment for martyrs' relatives) on the worship of martyrs in contemporary Vietnam at levels such as nation, locality, and family. The policy is described as attitudes and actions of the State and society based on national morality and new elements that partially change the existing moral mindfulness, thereby influencing traditional worship practices (with innovation or addition). Despite the similarity in the moral foundation, the practices of worship martyrs have had a new development, differences from other worshipping practices of the deceased under the impact of the policy of "meritorious people".

**Keywords:** Martyrs worship; policy of "meritorious people"; national morality.